

Số: 65/2019/QĐST-HNGĐ

Đan Phượng, ngày 16 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

+ Cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1929; nơi cư trú: Cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;

+ Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956; nơi cư trú: Cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;

+ Ông Nguyễn Đức G, sinh năm 1950; nơi ĐKKHKT: Số nhà 14 đường Nguyễn Viết Phong, tổ 10, phường P, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế;

+ Anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: Số 12 đường Nguyễn Viết Phong, tổ 10, phường P, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế;

+ Cháu Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 25/01/2001; nơi cư trú: Cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 25/01/2001. Cháu L đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Vì vậy, Tòa án không giải quyết.

2.2. Về tài sản chung

* Xác định anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị H1 tạo dựng được ngôi nhà 01 tầng 01 tum xây dựng năm 2001 trên thửa đất số 183, tờ bản đồ 14, diện tích 99,2m² tại cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, đất đã được UBND huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/8/2014 mang tên ông Nguyễn Đức G.

Anh Nguyễn Đức D, chị Nguyễn Thị H1 và cháu Nguyễn Thị Hương L tự thoả thuận về tài sản chung và đề nghị Tòa án công nhận sự thoả thuận như sau:

- Anh Nguyễn Đức D được hưởng ngôi nhà 01 tầng 01 tum xây dựng năm 2001 trên thửa đất số 183, tờ bản đồ 14, diện tích 99,2m² tại cụm 2, thôn Vĩnh Kỳ, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Thửa đất đã được UBND huyện Đan Phượng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/8/2014 mang tên ông Nguyễn Đức G.

- Anh Nguyễn Đức D tự nguyện thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H1 là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

(Hai bên đã tự giao nhận cho nhau xong số tiền trên)

* Về đất nông nghiệp: Xác định cụ Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Đức H2 được giao và sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp: Thửa đất số 719, tờ bản đồ 6, diện tích 361,7m² tại Vùng 2 Giữa, cụm 2, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; Thửa đất số 81, tờ bản đồ 13, diện tích 241,7m² tại Vùng 3 Dưới, cụm 2, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; thửa đất số 83, tờ bản đồ 12, diện tích 360,5m² tại Vùng 4 Trên, cụm 2, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Cả 03 thửa đất đã được UBND huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2014 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M.

Cụ Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Đức D, anh Nguyễn Đức H2, cháu Nguyễn Thị Hương L thoả thuận thống nhất và đề nghị Tòa án công nhận sự thoả thuận như sau:

- Cháu Nguyễn Thị Hương L được hưởng 360,5m² đất nông nghiệp, thửa đất số 83, tờ bản đồ 12, diện tích 360,5m² tại Vùng 4 Trên, cụm 2, xã T, huyện Đan

Phượng, Thành phố Hà Nội, đã được UBND huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 805213, sổ vào sổ cấp giấy CH 10243 ngày 14/7/2014 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M.

Cụ M, bà An, anh H2, anh D đã giao diện tích đất nông nghiệp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cháu L. Cháu L đã nhận 360,5m² đất nông nghiệp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 805213, sổ vào sổ cấp giấy CH 10243 ngày 14/7/2014 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M.

2.3. Về nợ chung, công sức: Anh Nguyễn Đức D và chị Nguyễn Thị H1 đều xác định không có nợ chung, không có công sức hai bên gia đình.

2.4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức D tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010415 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đức D số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng, TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã T, huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hòa